

Số: 85/2018/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 01 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 651/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 58 đường Nguyệt Biều, phường Thủy Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Trọng G, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 58 đường Nguyệt Biều, phường Thủy Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Cẩm N và anh Hoàng Trọng G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Hoàng Trọng Minh N, sinh ngày 12/12/2009 và Hoàng Trọng Minh N, sinh ngày 29/01/2012. Giao cháu Hoàng Trọng Minh N cho chị Trần Thị Cẩm N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên; giao cháu Hoàng Trọng Minh N cho anh Hoàng Trọng G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Chị N, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Cẩm N và anh Hoàng Trọng G tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm N tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2013/004433 ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế; hoàn trả lại cho chị N 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND phường Thủy Biều, TP.Huế;
- (ĐKKH số 10/2009, ngày 23-02-2009)
- Lưu: HSVA, HNGĐ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh